

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 5 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Văn Tu và ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Văn D sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ: số A, D-ro S-gu, S, K (Hàn Quốc).

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng: chị Vũ Thị H sinh năm 1978; địa chỉ: số G đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền nộp ngày 23/10/2023).

2. *Bị đơn:* chị Phạm Thị P sinh năm 1988; địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: anh Lê Văn D vắng mặt, chị Phạm Thị P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2023 và trong bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị Phạm Thị P tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 06/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại, anh D đang lao động tại Hàn Quốc, còn chị P sinh sống và làm việc tại tỉnh Ninh Bình. Từ năm 2022 đến nay, anh D và chị P sống ly thân, ít liên lạc và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- Về con chung: anh Lê Văn D và chị Phạm Thị P có 02 con chung là cháu Lê Phương H1 sinh ngày 05/12/2017 và cháu Lê Diệu L sinh ngày 10/01/2022; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị P tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Phương H1 và để chị P nuôi cháu Lê Diệu L; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh D đang lao động ở Hàn Quốc không thể đi lại làm việc với Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Chị P và anh Lê Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 06/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh D tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Khoảng tháng 4 năm 2017 anh D sang Hàn Quốc lao động. Sau khi sinh con đầu được 01 năm thì mẹ con chị P sang Hàn Quốc chung sống với anh D. Sang Hàn Quốc được khoảng 4 tháng, chị P gửi con về nước cho bố mẹ anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, còn chị ở lại Hàn Quốc làm việc. Trong thời gian chung sống ở Hàn Quốc, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, quan tâm chăm sóc nhau; thỉnh thoảng vợ chồng có khúc mắc, bất đồng quan điểm nhưng

không có mâu thuẫn gì lớn và tự giải quyết được.

Khoảng tháng 9 năm 2021, anh chị thống nhất để chị P về Việt Nam dưỡng sinh con thứ hai. Sau khi sinh con, 03 mẹ con chị P ở nhà bố mẹ đẻ chị P tại xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Trong thời gian này, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm tình hình của nhau, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Anh D vẫn gửi tiền về cho mẹ con chị sinh sống. Khoảng tháng 6 năm 2023, anh D về nước nói với chị về việc vợ chồng ly hôn nên chị rất bất ngờ, không hiểu nguyên nhân và động lực nào dẫn đến việc anh D nhất định ly hôn trong khi các con của anh chị còn quá nhỏ. Chị P đã tìm mọi cách khuyên bảo, níu giữ để anh D không làm thủ tục ly hôn. Chị P vẫn còn tình cảm với anh D và mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, không muốn để gia đình tan nát. Tuy nhiên, tình cảm là thứ không thể ép buộc, nhất là khi anh chị lại sống mỗi người một nơi, sự quan tâm ngày càng ít đi, tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, tình trạng trở nên trầm trọng, khó cứu vãn khắc phục được nên chị P chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

- Về con chung: chị Phạm Thị P và anh Lê Văn D có 02 con chung như anh D đã trình bày; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị P tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Các cháu sống cùng chị P và ông bà ngoại luôn vui vẻ, hạnh phúc, mạnh khỏe và quăn quýt nhau. Về điều kiện nuôi con, chị P và các con đang ở cùng nhà với bố mẹ chị P, nhà cửa rộng rãi, đủ không gian sinh hoạt cho 03 mẹ con. Chị P có công việc làm và thu nhập ổn định. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần của các con, chị P đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con khi anh chị ly hôn. Đề nghị anh D phải đóng góp với chị tiền cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Khi nào anh D về nước có điều kiện trực tiếp chăm sóc con thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc anh chị sẽ tự thỏa thuận về vấn đề này.

- Về tài sản và công nợ: chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 27/11/2023 Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cung cấp: chị Phạm Thị P và 02 con là cháu Lê Phương H1 và cháu Lê Diệu L hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị P là ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H2 tại xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Chị P kết hôn với anh Lê Văn D ngày 06/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn, chị P đã chuyển hộ khẩu về chung sống với anh D tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đến khoảng tháng 9 năm 2021 chị P đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã K sinh sống. Do chị P và anh D không cùng chung sống tại xã K nên chính quyền địa phương không biết gì về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như tranh chấp. Chị P đang làm công nhân Công ty L1 tại xã K, huyện Y. Hiện tại, chị P có đủ các điều kiện về sức khỏe, kinh tế và chỗ ở để nuôi dạy con chưa thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 464, Điều 474, Điều 477, Điều 469, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn D:
- + Giải quyết cho anh Lê Văn D và chị Phạm Thị P ly hôn.
- + Về con chung: giao cháu Lê Phương H1 sinh ngày 05/12/2017 và cháu Lê Diệu L sinh ngày 10/01/2022 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn D có nghĩa vụ đóng góp với chị P tiền cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu, thời gian đóng góp kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về án phí sơ thẩm: anh Lê Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp; anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Lê Văn D đang làm việc và cư trú tại Hàn Quốc. Bị đơn chị Phạm Thị P đang cư trú tại xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 464, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của anh Lê Văn D thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Nguyên đơn là anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn D.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: trước khi kết hôn, anh Lê Văn D và chị Phạm Thị P được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 06/3/2017. Do đó quan hệ hôn nhân của anh D và chị P là hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Hiện nay, anh D và chị P không cùng chung sống với nhau và đã ly thân trong một thời gian dài. Anh chị cùng xác định sự quan tâm lẫn nhau ngày càng ít đi, tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, khó cứu vãn khắc phục, không có khả năng hàn gắn và chị P đã chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

Xét thấy, anh D và chị P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình; dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giải quyết cho anh Lê Văn D ly hôn với chị Phạm Thị P theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về việc nuôi con: anh Lê Văn D và chị Phạm Thị P có 02 con chung là cháu Lê Phương H1 sinh ngày 05/12/2017 và cháu Lê Diệu L sinh ngày 10/01/2022; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị P tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng nuôi cháu H1; chị P có nguyện vọng nuôi cả hai con là cháu H1 và cháu L.

Xét thấy, nguyện vọng được nuôi dưỡng con của anh D là chính đáng. Tuy nhiên, anh D đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi con mà ủy quyền cho bố mẹ anh D nuôi con là trái với quy định tại Điều 69, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hai con của anh chị đang sinh sống ổn định cùng chị P, các cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, chấp nhận đề nghị của chị P, giao cháu Lê Phương H1 và cháu Lê Diệu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào mức sống trung bình của Nhân dân và lương tối thiểu vùng trên địa bàn huyện Y, tỉnh Ninh Bình, buộc anh Lê Văn D có nghĩa vụ đóng góp với chị P tiền phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con chung là 2.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu, thời gian đóng góp kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1, cháu L đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản, công nợ: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: anh Lê Văn D phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho anh Lê Văn D ly hôn với chị Phạm Thị P.

2. Về việc nuôi con:

- Giao cháu Lê Phương H1 sinh ngày 05/12/2017 và cháu Lê Diệu L sinh

ngày 10/01/2022 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Buộc anh Lê Văn D phải có nghĩa vụ đóng góp với chị Phạm Thị P tiền phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con chung cụ thể như sau:

+ Phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Phương H1 sinh ngày 05/12/2017 là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

+ Phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Diệu L sinh ngày 10/01/2022 là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh D, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000003 ngày 25/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; anh Lê Văn D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Lê Văn D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Phạm Thị P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- UBND xã Hải Cường;
- Lưu hồ sơ,VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

